

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày: 26 - 3 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quốc Trung.
2. Bà Phạm Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLST-DS ngày 14/01/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S.**

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Số X, đường K, phường G, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Việt H** – Phó Phòng giao dịch Ô Môn. (Văn bản ủy quyền số 1462/2020/UQ-CNCT ngày 12/10/2020) *(Có mặt)*

Bị đơn: Bà **Phạm Thị Thùy Q**, sinh năm 1987. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu vực M, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (do ông Nguyễn Việt H đại diện) trình bày:***

Vào ngày 17/5/2012, Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh Cần Thơ – Phòng giao dịch Ô Môn (sau đây viết tắt là Ngân hàng S) có cho bà Phạm Thị Thùy Q vay số tiền 45.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số LD1213800153; mục đích vay: Phát triển kinh tế gia đình; thời hạn vay 36 tháng

(từ ngày 17/5/2012 đến ngày 17/5/2015); lãi suất vay 15%/năm (góp đều), không có tài sản bảo đảm.

Quá trình vay vốn, bà Q đã thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền 56.225.000 đồng, trong đó, vốn 43.100.000 đồng và lãi là 13.125.000 đồng. Sau đó, bà Q không tiếp tục trả số tiền còn lại mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Ngày 30/12/2013, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ còn lại của bà Q sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 11/9/2020, bà Q còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền là: 24.497.909 đồng. Trong đó, nợ gốc là 1.900.000 đồng, lãi trong hạn 17.307.540 đồng, lãi quá hạn là 5.290.369 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Q phải thanh toán số tiền 24.497.909 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/9/2020 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng ngày 17/5/2012.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ đối với bị đơn bà Phạm Thị Thùy Q để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bà Q nhiều lần vắng mặt không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn yêu cầu bà Q thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 25.636.153 đồng, trong đó nợ gốc là 1.900.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.044.584 đồng, tiền lãi quá hạn là 5.691.569 đồng (tiền lãi tính đến ngày 26/3/2021). Đồng thời, yêu cầu bà Q tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 27/3/2021 cho đến khi trả dứt nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 3 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Như vậy, tính đến nay thì thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự: “*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên*

hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc.” Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu, do đó Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án và xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng S.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị Thùy Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào nội dung của Hợp đồng tín dụng số LD1213800153 ngày 17/5/2012 và Giấy lĩnh tiền (kiêm phiếu chi tiền mặt) ngày 17/5/2012 có thể hiện, Ngân hàng S đồng ý cho bà Q vay số tiền 45.000.000 đồng, phương thức giải ngân một lần bằng tiền mặt sau khi ký hợp đồng tín dụng. Sau khi được giải ngân, bà Q đã thanh toán nhiều lần, hiện còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.900.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.044.584 đồng, tiền lãi quá hạn là 5.691.569 đồng, tổng cộng là 25.636.153 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng đã được các bên tự nguyện giao kết với nhau, về nội dung và hình thức của hợp đồng tín dụng thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005 nên các bên có nghĩa vụ phải thực hiện. Trong quá trình vay vốn, bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng nên Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bà Q trả tổng số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở để chấp nhận. Như vậy, tính đến ngày 26/3/2021, bà Q còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền nợ gốc và lãi là 25.636.153 đồng. Do đó, cần buộc ông bà Q trả cho Ngân hàng S số tiền gốc và lãi nêu trên là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 122 Bộ luật dân sự 2005;
- Điều 91; Điều 94; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S:

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Thùy Q trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 25.636.153 đồng (*Hai mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm năm mươi ba đồng*).

(Trong đó nợ gốc là 1.900.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.044.584 đồng, tiền lãi quá hạn là 5.691.569 đồng).

Kể từ ngày 27/3/2021, bà Phạm Thị Thùy Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Thùy Q phải nộp số tiền 1.282.000 đồng (*Một triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

- Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền 613.000 đồng (*Sáu trăm mười ba nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 011457 ngày 07/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế